

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Số: 35/2023/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đ, ngày 28 tháng 3 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 328, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 307/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim L sinh năm 1977; trú tại: Đường N, tổ 15, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn*: Vợ chồng ông Lù Văn T sinh năm 1957 và bà Điều Thị N sinh năm 1958; cùng trú tại: Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L với bị đơn vợ chồng ông Lù Văn T và bà Điều Thị N thống nhất hủy hợp đồng đặt cọc lập ngày 21/6/2021 giữa vợ chồng ông Lù Văn T và bà Điều Thị N với bà Nguyễn Thị Kim L.

Bị đơn vợ chồng ông Lù Văn T và bà Điều Thị N đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền đặt cọc là 54.000.000 đồng (năm mươi bốn triệu đồng) và số tiền vay 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Tổng cộng số tiền đặt cọc và tiền vay là 74.000.000 đồng (bảy mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

- Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị Kim L đã nộp xong.

- Về án phí: Vợ chồng ông Lù Văn T và bà Điều Thị N có đơn xin miễn án phí và được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim L 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0008318 ngày 01/11/2022 và 554.000 đồng (năm trăm năm mươi bốn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0008630 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Lưu: HS, AV.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phụng Diễm